

Bản án số: 36/2021/KDTM-ST

Ngày: 28-4-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Như Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-KDTM ngày 14/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V

Địa chỉ trụ sở: Số 5 đường L, phường T, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thúy M

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân Đ (có mặt)

(Theo Giấy ủy quyền số 06/VT-2020/UQ-GĐ ngày 09/5/2020 của Chủ tịch hội đồng thành viên Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V)

Địa chỉ: Số 5 đường L, phường T, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu N P; Địa chỉ trụ sở chính: Số A đường số D, phường T, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q (vắng mặt);

Địa chỉ: số N đường T, phường N, quận L, thành phố H; Địa chỉ liên lạc: Số S đường X, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án thể hiện: Ngày 02/02/2015 Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V (sau đây gọi là công ty V) và công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu N P (sau đây được gọi là công ty N P) ký Hợp đồng cung cấp gạch Tuynel số: 01/HĐMB-2015 và Hợp đồng mua bán xi măng số:

02/HĐMB-2015 để cung cấp xi măng và gạch cho công ty N P. Theo thỏa thuận sau mỗi đợt giao hàng hai bên tổng hợp giao nhận từ phiếu giao nhận và đối chiếu bằng điện thoại, fax, email, sau đó công ty V sẽ xuất hóa đơn yêu cầu công ty N P thanh toán. Ngay sau ký hợp đồng công ty V đã cung cấp gạch và xi măng cho công ty N P theo thỏa thuận hợp đồng mà hai bên đã ký. Tổng số lượng xi măng công ty V đã giao cho công ty N P là 87,5 tấn xi măng, giá bán được tính như sau:

Xi măng bao Hạ Long PCB40 bán 1.880.000 đồng/tấn đã bao gồm 10% thuế VAT;

Xi măng bao Nghi Sơn PCB40 bán 1.880.000 đồng/tấn đã bao gồm 10% thuế VAT;

Tổng số lượng gạch công ty V đã giao cho công ty N P là 329.500 viên gạch, đơn giá được tính như sau:

Gạch ống lỗ 95 x 95 x 200 bán 1.900 đồng/viên;

Gạch ống lỗ 90 x 90 x 190 bán 1.700 đồng/viên;

Gạch ống lỗ 80 x 80 x 180 là 1.600 đồng/viên;

Gạch đĩnh 45 x 95 x 200 bán 2.000 đồng/viên;

Gạch đĩnh 40 x 80 x 180 bán 1.600 đồng/viên;

Gạch mi ni 90 x 90 x 95 bán 850 đồng/viên

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2015 là 839.875.000 đồng, do công ty N P lấy lý do dự án chưa được thanh toán nên không thanh toán cho công ty V nên công ty V không tiếp tục giao hàng nữa và đến địa chỉ trụ sở của công ty N P và địa chỉ của người đại diện của công ty N P để yêu cầu thanh toán nhưng công ty N P vẫn không thanh toán. Do công ty N P vi phạm hợp đồng, nên công ty V khởi kiện yêu cầu công ty N P trả cho công ty V số tiền là 1.367.350.303 đồng, bao gồm tiền nợ mua hàng là 839.875.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 14/01/2021 là 527.475.303 đồng.

Đại diện bị đơn công ty N P có ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông Q là người đại diện theo pháp luật của công ty N P theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0309863890 đăng ký thay đổi lần đầu ngày 19/3/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 31/7/2017. Ông Q được ông Đ nhờ đứng tên là người đại diện theo pháp luật trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty N P, và chỉ trao đổi bằng lời nói không làm văn bản. Theo ông Q thì ông Hưng là người mua lại công ty N P. Hiện nay ông Q đang giữ con dấu của công ty N P, nhưng thực tế hoạt động của công ty như thế nào ông Q không biết, ông chỉ đứng tên là người đại diện theo pháp luật của công ty N P về mặt giấy tờ từ năm 2017. Nay công ty V yêu cầu công ty N P trả số nợ là 1.367.350.303 đồng, ông Q không có ý kiến, do quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng giữa công ty V và công ty N P diễn ra trước khi ông làm người đại diện theo pháp luật của công ty N P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn công ty N P trả số tiền 991.052.500 đồng, bao gồm tiền mua hàng còn nợ là 839.875.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm vi phạm từ 01/9/2015 đến 31/8/2017, mức lãi suất áp dụng là 9%/năm, với số tiền là 151.177.500 đồng, và yêu cầu bị đơn trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty N P phải thanh toán số tiền là 991.052.500 đồng cho công ty V.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp của vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn công ty V yêu cầu bị đơn công ty N P trả số tiền mua hàng còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận được định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn công ty N P có trụ sở tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Xét xử vắng mặt bị đơn: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì bị đơn công ty N P có địa chỉ trụ sở tại số 25 đường số 40, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và đến nay chưa giải thể, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Q, ông Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn công ty N P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ là 839.875.000 đồng. Căn cứ Hợp đồng cung cấp gạch số 01/HĐMB-2015 và Hợp đồng mua bán xi măng số 02/HĐMB-2015 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn cho thấy giữa công ty V và công ty N P thỏa thuận mua bán mặt hàng xi măng và gạch xây dựng, có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập một hợp đồng mua bán hàng hóa, hình thức của hợp đồng bằng văn bản là phù hợp theo quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại năm 2005 “*Hợp đồng mua bán hàng hoá được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể*”. Do bị đơn

chưa thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn nợ là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại năm 2005 “*Mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thỏa thuận*”. Nguyên đơn đã thực hiện giao hàng hóa đúng quy cách, đúng chủng loại và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn, bị đơn đã nhận đủ và đúng mặt hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và chưa thanh toán đồng nào cho nguyên đơn, mặc dù nguyên đơn đã nhắc nhở, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ là phù hợp với quy định của Luật Thương mại nêu trên.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn xuất 07 hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn vào các ngày 16/3/2015; 31/3/2015; 30/4/2015; 30/6/2015; 31/7/2015 với tổng số tiền của giá trị của hai Hợp đồng là 839.875.000 đồng.

Ngày 05/01/2016 nguyên đơn và bị đơn ký “Biên bản xác nhận công nợ”, theo đó bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 839.875.000 đồng, biên bản này có chữ ký xác nhận và đóng dấu của đại diện hai bên công ty. Như vậy bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn nhưng nguyên đơn nhiều lần nhắc nợ, bị đơn vẫn chưa trả số nợ này là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 thì “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận*” và Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 “*Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá*”.

Như vậy tính đến ngày 31/7/2015 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 839.875.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả cho nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ là có cơ sở.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tại thời điểm vi phạm từ ngày 01/9/2015 đến 31/8/2017 với số tiền 151.177.500 đồng, lãi suất 9%/năm.

Căn cứ quy định tại khoản 3.3 Điều 3 về “phương thức thanh toán” của hai Hợp đồng nêu trên, hai bên đương sự có thỏa thuận: “... *quá hạn thanh toán mà bên mua chưa thanh toán thì bên mua phải trả thêm lãi suất theo lãi suất vay ngắn hạn tại Ngân hàng Agribank. Thời gian quá hạn thanh toán không được quá 30 ngày*”.

Mặc dù nguyên đơn đã thông báo và nhắc nhở nhiều lần, nhưng kể từ ngày 31/7/2015 công ty N P không thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 31/8/2017 là đúng thỏa thuận trong hợp đồng, và phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Cụ thể tính như sau: 839.875.000 đồng x 0,75%/tháng x 24 tháng = 151.177.500 đồng.

[2.2] Xét lời khai của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q là người đại diện theo pháp luật của công ty N P cho rằng ông chỉ là người đứng trên giấy tờ, còn việc mua bán giữa công ty V với công ty N P đã diễn ra trước đó, thời điểm ký hợp đồng ông không biết. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho Tòa án thì đến nay công ty N P chưa đăng ký

giải thể, do đó Hội đồng xét xử buộc công ty N P có trách nhiệm trả tiền mua hàng còn nợ cho công ty V là có cơ sở.

Từ những phân tích trên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc công ty N P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn công ty V số tiền 991.052.500 đồng, và phải trả tiền lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận và không trả nợ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu trả số tiền mua hàng còn nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty N P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, với số tiền án phí là 41.731.575 đồng (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 77; 147; 164; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 3, 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 428, 429, 431, 432 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

[1.] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V.

[2.] Buộc bị đơn công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu N P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V số tiền 991.052.500 đồng (chín trăm chín mươi một triệu không trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng). Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu

không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.] **Án phí:**

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 41.731.575 đồng (bốn mươi một triệu bảy trăm ba mươi một ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng), công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu N P phải chịu.

[3.2] Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.722.000 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu tiền số 0041637 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] **Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân